

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH DÀNH CHO CÁC TÀI NĂNG THỂ THAO

MÃ SỐ: 7340101

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
- + Tiếng Anh: Business Administration
- Mã số ngành đào tạo: 7340101
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Business Administration
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao là nhằm cung cấp cho xã hội và lĩnh vực thể dục thể thao nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực chuyên môn rộng và sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có tư duy hiện đại, tư duy phản biện, có năng lực quản trị & khởi nghiệp kinh doanh, có năng lực ngoại ngữ và khả năng thích nghi với môi trường hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu và rộng của Việt Nam.

Mục tiêu của CTĐT được xác định dựa trên ý kiến của các bên liên quan như cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các tổ chức doanh nghiệp, phù hợp với nhu cầu của xã hội. Mục tiêu trên phù hợp với sứ mệnh của Viện QTKD thể hiện trong

Chiến lược phát triển Viện QTKD giai đoạn 2016 - 2025 là “*góp phần xây dựng một nước Việt Nam có thể “bước lên đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu” thông qua cung cấp nguồn nhân lực doanh nhân và lãnh đạo có tư duy hiện đại và hành động hiệu quả*”. Mục tiêu trên cũng phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHKT được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường là “*cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh*”. Mục tiêu đào tạo cho thấy sự phù hợp với mục tiêu chiến lược của ĐHQGHN được thể hiện tại Chiến lược phát triển của ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là “*Trở thành đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, đạt các tiêu chí cơ bản của đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo; phấn đấu đến năm 2025, ĐHQGHN thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu châu Á hoặc nhóm 500 đại học hàng đầu thế giới; đến năm 2030 thuộc nhóm 300 đại học hàng đầu thế giới*”. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT đáp ứng được mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Điều 5 trong Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 và đảm bảo đảm bảo tuân thủ theo quy định của khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao, người học có khả năng:

- Vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản, các kiến thức chung về kinh tế, quản trị kinh doanh, xã hội và nhân văn vào nhận diện, phân tích, góp phần giải quyết các vấn đề của Quản trị kinh doanh và lĩnh vực thể dục thể thao phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh.
- Hiểu biết và áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh vào phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh; thiết lập và phát triển các chiến lược, kế hoạch kinh doanh; quản trị và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh; có ý tưởng khởi sự và tạo lập doanh nghiệp trong các lĩnh vực thể thao và các lĩnh vực khác.
- Có tư duy phân biện, khả năng thích nghi, có kỹ năng quản trị và lãnh đạo các hoạt động kinh doanh phù hợp với môi trường kinh doanh.
- Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa; có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) *hoặc* đã tốt nghiệp trung cấp *hoặc* đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài *hoặc* ở Việt Nam; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

3.1.1. Xét tuyển hồ sơ

Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Thể dục Thể thao hoặc các liên đoàn thể thao quốc gia xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức và có văn bằng tốt nghiệp tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam.

3.1.2. Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn

- Vận động viên đã từng đạt huy chương tại ***tại một trong các giải thể thao sau:*** các giải thể thao học sinh phổ thông cấp tỉnh, thành phố; giải trẻ cấp tỉnh, thành phố; Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố và toàn quốc; đại hội thể thao toàn quốc; các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế.

- Vận động viên nước ngoài đã từng đạt huy chương tại các giải thể thao của thành phố, bang, quốc gia được xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và các quy định hiện hành, tự nguyện tham gia học và đóng học phí theo quy định của chương trình.

3.2. Hình thức tuyển sinh

Dự kiến tuyển sinh 01 đợt/năm theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2.1. Phương thức xét tuyển hồ sơ

a. Điều kiện được xét tuyển hồ sơ

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT *hoặc* tương đương và có đầy đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và đáp ứng các tiêu chí sau:

* ***Về giải thưởng:*** Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục thể dục thể thao *hoặc* các liên đoàn thể thao quốc gia xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức theo cấp độ, quy mô giải như sau:

(1) Đại hội Olympic;

- (2) Vô địch thế giới từng môn thể thao;
- (3) Cúp thế giới;
- (4) Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD);
- (5) Đại hội Olympic trẻ;
- (6) Giải vô địch Châu Á;
- (7) Cúp Châu Á;
- (8) Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games);
- (9) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao;

Minh chứng là một trong những hồ sơ sau:

- (1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đạt huy chương;
- (2) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu;
- (3) Bản sao hợp lệ Quyết định khen thưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Cục Thể dục Thể thao.

b. Thời gian đạt giải: không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo quy định tại Thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

3.2.2. Phương thức xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT *hoặc* tương đương và có đầy đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành và đáp ứng các tiêu chí sau:

** Về giải thưởng:*

- Thí sinh là vận động viên đã từng đạt huy chương ***tại một trong các giải thể thao sau:*** các giải thể thao học sinh phổ thông cấp tỉnh, thành phố; giải trẻ cấp tỉnh, thành phố; Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố và toàn quốc; đại hội thể thao toàn quốc; các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế.

- Thí sinh là vận động viên nước ngoài đã từng đạt huy chương tại các giải thể thao của thành phố, bang, quốc gia.

Minh chứng giải thưởng là một trong những hồ sơ sau:

- 1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đạt huy chương/đạt giải;
- (2) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu;
- (3) Bản sao hợp lệ Quyết định khen thưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Cục Thể dục Thể thao/Sở văn hóa thể thao hoặc Sở văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh, thành phố.

b. Thời gian đạt giải: không quá 4 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

c. Hồ sơ đăng ký xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn: Theo quy định tại Thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

3.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Từ năm 2024 trở đi: Dự kiến 50 chỉ tiêu/năm (Số lượng thực tế sẽ căn cứ theo Đề án tuyển sinh hàng năm).

4. Điều kiện đầu vào tiếng Anh

Thí sinh cần đáp ứng điều kiện đầu vào tiếng Anh theo các đối tượng như sau:

4.1. Đối với thí sinh học tiếng Anh bậc THPT:

Thí sinh cần đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

(1) Điểm trung bình chung môn tiếng Anh 5 học kỳ bậc THPT (học kỳ 1, học kỳ 2 lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 6.5 trở lên;

(2) Điểm thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6.5 trở lên.

4.2. Đối với thí sinh không học môn tiếng Anh bậc THPT:

Thí sinh cần đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

(1) Thí sinh cần có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A2, chứng chỉ VSTEP hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (còn hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày đăng ký xét tuyển).

(2) Đối với thí sinh không đáp ứng mục 4.1 và khoản (1) mục 4.2 cần tham gia phỏng vấn kiểm tra môn tiếng Anh đầu vào (chi tiết tại Thông báo tuyển sinh của Trường): mức đạt là mức điểm 50/100 (theo thang điểm 100).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
1	PHI1006	Triết học Mác-Lênin <i>Fundamental Principles of Marxism - Leninism</i>	3	1,2				2	2	2,3
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	1,2				2	2	2,3
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	1,2				2	2	2,3
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	1,2				2	2	2,3
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the</i>	2	1,2				2	2	2,3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		<i>communist Party of Vietnam</i>								
6	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	1,2				2	2	2,3
7	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	1,2				2	2	2,3
8	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	1,2				2	2	2,3
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4	1,2				2	2	2,3
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defense Education</i>	8	1,2				2	2	2,3
11	BSA2030	Kỹ năng bổ trợ <i>Supplementary</i>	3	1,2		2		3	2	2,3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		<i>Skills</i>								
12	FDE1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	1,2				2	2	2,3
13	FDE1101	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	1,2				2	2	2,3
14	FDE1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	1,2		2		2	2	2,3
15	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3		2			3		2,3
16	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3		2	2	2	3		2,3
17	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3		2	2	2	3		2,3
18	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	5		2	2		3		2,3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
19	BSA1056	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communications</i>	2		2	2	2	3	2	2,3
20	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World Civilization History</i>	2		2,3			3		2
21	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	1,2	2,3	2		2		2
22	PHI1051	Logic học <i>Logics</i>	2				2	3		3
23	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh <i>Principles of Business Administration</i>	3	1,2	2,3	2		3		2
24	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3		2	2	2	3		2,3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		<i>Principles in Accounting</i>								
25	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3		2			3	2	2,3
26	BSA4010	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh <i>Corporate culture and business ethics</i>	3		2	2,3	2	3	2	3,4
27	BSA3082	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh <i>Business research methodology</i>	2	2	2	2,3	3			3
28	INE2028	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3		3	2,3	3	3		3
29	BSA3028	Đàm phán và giải	3			2,3		3		3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		quyết xung đột <i>Negotiation and Conflict Resolution</i>								
30	BSA3052	Lý thuyết trò chơi và các quyết định kinh doanh <i>Game Theory and Business Decisions</i>	3			3	3	3		3
31	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3		2,3	2	3	2		2,3
32	BSA2005	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3		3	2,3	3	3		3
33	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3		3	2,3	3		2,3	3
34	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp	3		3	2,3	3	3		3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		<i>Corporate Finance</i>								
35	BSA2025	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức <i>Foundation of Leadership</i>	3	2	2	2,3	3	2	2	3
36	BSA3020	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3		2	3	2,3	3	2	3,4
37	BSA4014	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Production and Operations Management</i>	3			2,3	3			3
38	BSA2008	Quản trị marketing <i>Marketing Management</i>	3		3	2,3	2		2	3
39	BSA4016	Quản trị thương hiệu <i>Brand Management</i>	3			3	2	2	2	3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
40	BSA4017	Đại cương về chiến lược cạnh tranh <i>Foundation of competitive strategies</i>	3	2		3	3			2,3
41	BSA4022	Lãnh đạo thay đổi <i>Leading change</i>	3	2,3		3	3	3		3
42	BSA4029	Quản trị đổi mới sáng tạo <i>Management of Innovation</i>	3			3			2	3
43	MNS4010	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3			3	2,3	2	2	3
44	BSA4021	Quản trị thành tích và thù lao lao động <i>Performance management and remuneration</i>	3		3	3		3		3,4
45	BSA4032	Đào tạo và phát	3	2		3	3			3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		triển nhân lực <i>Human resource development</i>								
46	BSA3114	Marketing dịch vụ <i>Service Marketing</i>	3			2,3	2	3		3
47	BSA3013	Hành vi người tiêu dùng <i>Consumer Behavior</i>	3			3	2	3		3
48	BSA3012	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing Research</i>	3	2		2,3		3	2	3
49	BSA3001	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3			3	3	3		3
50	BSA3076	Marketing kỹ thuật số <i>Digital Marketing</i>	3			2,3	2	3	2	3
51	BSA3035	Các mô hình ra	3			3	3	3	3	3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		quyết định <i>Decisions Models</i>								
52	BSA3036	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	2		3	3			3
53	BSA3025	Quản trị chất lượng <i>Quality Management</i>	3	2		2,3	3	3		3
54	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3			3	2,3			3
55	BSA2019	Kế toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3		2			3		2,3
56	BSA3009	Kiểm toán căn bản <i>Introduction to Auditing</i>	3			3	2,3			3
57	FIB3004	Quản lý đầu tư <i>Investments Management</i>	3		2,3	3	3	3		3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
58	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Advanced Corporate Finance</i>	3		2	2		3		2,3
59	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial Institutions and Markets</i>	3		2			3		2,3
60	INE3001	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3			3				3
61	INE3104	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3			3				3
62	FIB3124	Bất động sản <i>Real Estate</i>	3		2			3		2,3
63	BSA3072	Quản trị bán hàng <i>Sales Management</i>	3	2		2,3	3	3	3	3
64	BSA3068	Quản trị rủi ro	3			3	3	3		3

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
		<i>Risk Management</i>								
65	BSA3074	Marketing thể thao <i>Sports Marketing</i>	3			2,3	3	3	2	3
66	BSA3070	Quản trị công nghệ <i>Technology Management</i>	3			2,3		3		3
67	BSA3071	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management information system</i>	3		2			3		2,3
68	BSA3073	Quan hệ lao động <i>Industrial Relations</i>	3	2		2,3		3	3	3
69	BSA4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	2		3	2,3	3	2,3		4
70	BSA4050	Niên luận <i>Essay</i>	3		3	2,3	3			4
71	BSA4052	Khoá luận tốt nghiệp <i>Thesis</i>	6		3,4	3,4	3			4

TT	Mã HP	Học phần	TC	Chuẩn đầu ra						
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
				Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh	Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh	Kỹ năng chuyên môn	Kỹ năng bổ trợ	Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh	Đạo đức: xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh
72	BSA4024	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	3		3,4	3,4	3		3	4
73	BSA3040	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>Corporate Social Responsibility</i>	3		3,4	3	3			4

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Chuẩn kiến thức đầu ra của cử nhân QTKD dành cho tài năng thể thao đáp ứng chuẩn đầu ra của cử nhân QTKD hệ chuẩn. Cụ thể: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, hiểu kiến thức thực tế và vận dụng kiến thức để giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh ngành thể thao.

PLO1: Áp dụng kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực trong quản trị kinh doanh.

PLO1.1 (I): Xác định được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào nhận diện các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh.

PLO1.2 (I): Hiểu những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục, thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương cùng cổ và tăng cường sức khỏe.

PLO1.3 (I): Sử dụng được tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong các hoạt động kinh doanh.

PLO1.4 (R): Vận dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên, xã hội, phần mềm thống kê vào phân tích, đánh giá, góp phần giải quyết các vấn đề của quản trị kinh doanh.

PLO2: Áp dụng các kiến thức theo khối ngành/nhóm ngành trong quản trị kinh doanh.

PLO2.1 (I): Hiểu được các kiến thức kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và các kiến thức tự chọn theo nhóm ngành/khối ngành để nhận diện, phân tích các hoạt động quản trị kinh doanh.

PLO2.2 (R): Sử dụng kiến thức về kinh tế lượng, thống kê kinh tế và các kiến thức tự chọn theo nhóm ngành/khối ngành để giải thích các hoạt động quản trị kinh doanh.

PLO2.3 (R,M): Áp dụng kiến thức về quản trị, kế toán, tài chính, marketing, phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá các hoạt động quản trị kinh doanh.

PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh.

PLO3.1 (R,M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh vào lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức và triển khai các hoạt động kinh doanh, khởi sự và tạo lập doanh nghiệp.

PLO3.2 (R,M): Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh vào phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề, các tình huống phát sinh trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định của nhà quản trị.

PLO3.3 (R,M): Vận dụng kiến thức để kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO4 (R, M): Kỹ năng chuyên môn

PLO4.1 (R,M): Có tư duy phản biện, phê phán, giải quyết vấn đề, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan trong quản trị kinh doanh.

PLO4.2 (R,M): Vận dụng kiến thức sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

PLO5 (R, M): Kỹ năng bổ trợ

PLO5.1 (R, M): Kỹ năng giao tiếp: Áp dụng các kỹ năng giao tiếp như thuyết trình, đàm phán, lắng nghe nhằm phối hợp hiệu quả các chức năng của quản trị kinh doanh.

PLO5.2 (R, M): Kỹ năng làm việc nhóm: có khả năng làm việc, hợp tác với các thành viên, biết chia sẻ và điều hòa các mối quan hệ trong và ngoài nhóm nhằm quản trị, điều hành các hoạt động kinh doanh.

PLO5.3 (R, M): Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo các hoạt động kinh doanh như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng trao quyền.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO6 (R,M): Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ, trách nhiệm xã hội để ra quyết định trong quản trị kinh doanh.

PLO6.1 (R,M): *Tính cộng đồng:* Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao; có lối sống tích cực, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc quốc tế và có tinh thần cộng đồng.

PLO6.2 (R,M): *Tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng tự học để cải thiện kiến thức và kỹ năng; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể...

4. Về phẩm chất đạo đức

PLO7 (I): *Có đạo đức:* xác định các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản làm nền tảng cho việc ra quyết định quản trị và quyết định kinh doanh.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Nhóm 1 - *Chuyên viên quản trị kinh doanh:* Có đủ năng lực làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và các tổ chức khác, có thể đảm nhận các công việc như bán hàng, marketing, tài chính, nhân sự..., triển vọng phát triển trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án và giám đốc doanh nghiệp hoặc tổ chức quản lý thể thao.

Nhóm 2 - *Tư vấn viên:* Có khả năng làm việc tại các công ty và tổ chức tư vấn quản trị doanh nghiệp, tổ chức tư vấn hoặc quản lý, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan, có thể đảm nhận các công việc, trợ lý phân tích và lập báo cáo về thị trường kinh doanh, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch nhân sự, sản xuất... của doanh nghiệp, triển vọng trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo doanh nghiệp và tổ chức.

Nhóm 3 - *Trợ lý và thư ký:* Có khả năng đảm nhận công việc trợ lý hoặc thư ký ban giám đốc, hội đồng quản trị, trợ lý giám đốc của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc tổ chức khác trong và ngoài nước; có thể đảm nhận các công việc: trợ lý phân tích, tổng hợp các báo cáo và tham mưu về các mảng hoạt động trong doanh nghiệp như chiến lược kinh doanh, nhân lực, marketing, tài chính, hỗ trợ trong giao dịch với đối tác, sắp xếp kế hoạch công tác cho lãnh đạo...; triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng các bộ phận/phòng, ban, giám đốc bộ phận, giám đốc, tổng giám đốc.

Nhóm 4: *Doanh nhân khởi nghiệp:* có khả năng tự khởi nghiệp, tạo lập và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành doanh nghiệp rất nhỏ, nhỏ và vừa.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên học phần và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc cao học hoặc tiến sĩ để trở thành nhà nghiên cứu và giảng viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 127 tín chỉ

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ).

- **Khối kiến thức chung: 21 tín chỉ**
(Không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực: 10 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo khối ngành: 14 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: 12 tín chỉ
 - + Tự chọn: 2/8 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành: 17 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: 14 tín chỉ
 - + Tự chọn: 3/9 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành: 65 tín chỉ**
 - + Bắt buộc: 27 tín chỉ
 - + Tự chọn: 27/87 tín chỉ
 - + Kiến tập, Thực tập, niên luận: 5 tín chỉ
 - + Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
I		Khối kiến thức chung (Không tính các học phần từ 9 đến 11)	21					

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
1	PHI1006	Triết học Mác-Lênin <i>Fundamental Principles of Marxism - Leninism</i>	3	30	15	105		
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	20	10	70	PHI1006	
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	20	10	70		
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	70		
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	70		
6	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	105		
7	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	7	70		
8	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	55	175		
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4					
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defense Education</i>	8					
11	BSA2030	Kỹ năng bổ trợ <i>Supplementary Skills</i>	3	30	15	105		
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	10					
12	FDE1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	140		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
13	FDE1101	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	105		
14	FDE1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	105		
III		Khối kiến thức theo khối ngành	14					
III.1		Các học phần bắt buộc	12					
15	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	35	10	105		
16	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	35	10	105	INE1050	
17	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15	105		
18	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	24	21	105	INT1004, INE1051, BSA1053	
III.2		Các học phần tự chọn	2/8					
19	BSA1056	Giao tiếp kinh doanh <i>Business Communications</i>	2	15	15	70		
20	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World Civilization History</i>	2	22	8	70		
21	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	15	12	73		
22	PHI1051	Logic học <i>Logics</i>	2	20	6	74		
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	17					
IV.1		Các học phần bắt buộc	14					
23	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh <i>Principles of Business Administration</i>	3	27	18	105		
24	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles in Accounting</i>	3	27	18	105		
25	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	22	23	105		
26	BSA4010	Văn hóa và đạo đức kinh doanh <i>Corporate culture and business ethics</i>	3	35	10	105		
27	BSA3082	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh <i>Business research methodology</i>	2	15	15	70		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
IV.2		Các học phần tự chọn	3/9					
28	INE2028	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	18	27	105	INE1051	
29	BSA3028	Đàm phán và giải quyết xung đột <i>Negotiation and Conflict Resolution</i>	3	35	10	105		
30	BSA3052	Lý thuyết trò chơi và các quyết định kinh doanh <i>Game Theory and Business Decisions</i>	3	35	10	105	INE1051	
V		Khối kiến thức ngành	65					
V.1		Các học phần bắt buộc	27					
31	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management</i>	3	35	10	105		
32	BSA2005	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	23	22	105	BSA2004	
33	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3	35	10	105		
34	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	25	20	105	BSA2001	
35	BSA2025	Đại cương về lãnh đạo trong tổ chức <i>Foundation of Leadership</i>	3	35	10	105		
36	BSA3020	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	35	10	105		
37	BSA4014	Quản trị sản xuất và tác nghiệp <i>Production and Operations Management</i>	3	35	10	105		
38	BSA2008	Quản trị marketing <i>Marketing Management</i>	3	35	10	105	BSA2002	
39	BSA4016	Quản trị thương hiệu <i>Brand Management</i>	3	35	10	105	BSA2002	
V.2		Các học phần tự chọn	27/87					
40	BSA4017	Đại cương về chiến lược cạnh tranh <i>Foundation of competitive strategies</i>	3	25	20	105		
41	BSA4022	Lãnh đạo thay đổi <i>Leading change</i>	3	25	20	105		
42	BSA4029	Quản trị đổi mới sáng tạo <i>Management of Innovation</i>	3	25	20	105		
43	MNS4010	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	25	20	105		
44	BSA4021	Quản trị thành tích và thù lao lao	3	25	20	105		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
		động <i>Performance management and remuneration</i>						
45	BSA4032	Đào tạo và phát triển nhân lực <i>Human resource development</i>	3	25	20	105		
46	BSA3114	Marketing dịch vụ <i>Service Marketing</i>	3	35	10	105	BSA2002	
47	BSA3013	Hành vi người tiêu dùng <i>Consumer Behavior</i>	3	35	10	105	BSA2002	
48	BSA3012	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing Research</i>	3	35	10	105	BSA2002	
49	BSA3001	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	35	10	105	BSA2002	
50	BSA3076	Marketing kỹ thuật số <i>Digital Marketing</i>	3	25	20	105	BSA2002	
51	BSA3035	Các mô hình ra quyết định <i>Decisions Models</i>	3	35	10	105		
52	BSA3036	Quản trị dự án <i>Project Management</i>	3	35	10	105		
53	BSA3125	Quản trị chất lượng <i>Quality Management</i>	3	35	10	105	BSA2004	
54	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	23	22	105	BSA2001	
55	BSA2019	Kế toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3	23	22	105	BSA2001	
56	BSA3009	Kiểm toán căn bản <i>Introduction to Auditing</i>	3	30	15	105	BSA2001	
57	FIB3004	Quản lý đầu tư <i>Investments Management</i>	3	35	10	105	BSA2018	
58	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	105	BSA2018	
59	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial Institutions and Markets</i>	3	20	25	105	INE1051	
60	INE3001	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	28	17	105	INE1051	
61	INE3104	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	30	15	105	INT1004	
62	FIB3124	Bất động sản <i>Real Estate</i>	3	30	15	105		
63	BSA3072	Quản trị bán hàng <i>Sales Management</i>	3	20	15	115		

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học		
64	BSA3068	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	20	10	120		
65	BSA3074	Marketing thể thao <i>Sports Marketing</i>	3	20	10	120		
66	BSA3070	Quản trị công nghệ <i>Technology Management</i>	3	20	15	115	BSA4014	
67	BSA3071	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management information system</i>	3	25	20	105		
68	BSA3073	Quan hệ lao động <i>Industrial Relations</i>	3	25	10	115		
V.3		Thực tập thực tế và niên luận	5					
69	BSA4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	2	0	30	70		
70	BSA4050	Niên luận <i>Essay</i>	3	0	0	150		
V.4		Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6					
71	BSA4052	Khóa luận tốt nghiệp <i>Thesis</i>	6	0	0	300		
72	BSA4024	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	3	30	15	105		
73	BSA3040	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>Corporate Social Responsibility</i>	3	35	10	105		
		Tổng cộng	127					

Ghi chú: Đối với sinh viên đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT và nộp chứng chỉ trong thời gian quy định được miễn học các học phần ngoại ngữ (theo quy định của ĐHQGHN tại Hướng dẫn số 1011/HD-ĐHQGHN ngày 23/03/2023 của Giám đốc ĐHQGHN)